

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA UBND TỈNH**

**Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị BCH Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU.**

#### **1. Mục đích:**

Tạo sự thống nhất trong các cấp, các ngành về việc quán triệt và triển khai nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; nâng cao giá trị hàm lượng công nghệ trong hoạt động dịch vụ, sản xuất sản phẩm hàng hóa. Đổi mới cơ bản và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ. Tập trung cao cho ứng dụng chuyển giao công nghệ đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả; giải quyết tốt các nhu cầu thiết yếu về việc làm, lương thực, thực phẩm, môi trường bền vững cho dân cư toàn tỉnh; tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phấn đấu đến năm 2015 xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có nền công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển và đến năm 2020 trở thành tỉnh có nền kinh tế phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thu nhập bình quân đầu người nằm trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước, góp phần đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

#### **2. Yêu cầu:**

- Bám sát và cụ thể hoá các định hướng về phát triển KH-CN của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ; Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011-2020, định

hướng phát triển kinh tế xã hội của Nghị quyết Đại hội Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVII, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn năm 2050.

- Phát triển KH-CN của tỉnh phải phục vụ trực tiếp, hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; trong đó lấy hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế làm tiêu chí chủ yếu để đánh giá hiệu quả hoạt động KH&CN.

- Đảm bảo đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ; Đầu tư cho KH-CN phải được xem là đầu tư cho phát triển; phải tập trung, có trọng tâm, trọng điểm và đúng tầm. Phải tích cực huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho KH-CN, trong đó nhà nước giữ vai trò định hướng, quản lý và điều tiết.

## **II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHỮNG KHÂU ĐỘT PHÁ.**

### **1. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

- Đến năm 2015 hình thành các vùng chuyên canh ứng dụng KH-CN sản xuất các sản phẩm nông sản, chăn nuôi, thủy hải sản theo hướng tập trung, đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm để cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước; ứng dụng có hiệu quả các loại hình công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp cận đô thị trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới trong đó ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, đạt giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích cao gấp 2 lần mức bình quân chung của cả tỉnh với tổng diện tích từ 100 - 200 ha, tạo tiền đề để đến năm 2020 xây dựng 01 đến 02 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Hà Tĩnh.

- Ứng dụng khoa học và công nghệ vào tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý, văn hóa, giáo dục, nâng cao sức khỏe, đời sống nhân dân; nâng cao giá trị sản phẩm công nghệ cao, phấn đấu đạt khoảng 20% trong GDP của tỉnh vào năm 2020.

- Hình thành đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, tâm huyết. Số lượng thạc sỹ, tiến sỹ tốt nghiệp và trực tiếp tham gia nghiên cứu khoa học tăng 10% mỗi năm. Phấn đấu có một số chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, có uy tín trong và ngoài nước về lĩnh vực công nghệ sinh học, nông nghiệp, giáo dục, y tế... về hợp tác, làm việc tại tỉnh. Thành lập mới 5 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 và 10 doanh nghiệp đến năm 2020.

+ Số doanh nghiệp công nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm đến 2015 và 15%/năm đến năm 2020. Số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao từ 1% đến 3% đến năm 2015 và từ 5% đến 7% đến năm 2020.

+ Đến năm 2020, thực hiện quản lý bằng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với 100% sản phẩm, hàng hoá có khả năng gây mất an toàn, vệ sinh, ô nhiễm môi trường hoặc có yêu cầu đặc thù về quá trình sản xuất, tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn. Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên

tiền của Quốc tế và khu vực từ 5% - 7% vào năm 2015 và từ 10% - 15% vào năm 2020. Đến năm 2015 có 35 - 40 % doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh tham gia thực hiện dự án nâng cao năng suất và chất lượng; đến năm 2020 có 90 - 100 % doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực tham gia thực hiện dự án. Xây dựng 3-5 doanh nghiệp điển hình toàn diện về cải tiến năng suất - chất lượng tổng hợp. Các doanh nghiệp điển hình đạt tỷ trọng tăng năng suất yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng doanh nghiệp đạt mức 25% vào năm 2020.

+ Số văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng đều qua các năm trong giai đoạn 2013 - 2020. Đến năm 2015 có 20% các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp và quản lý, phát triển thương hiệu bằng các hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và 40% vào năm 2020. Phần đầu có ít nhất 01 sản phẩm mang thương hiệu quốc gia.

+ Về đầu tư cho khoa học và công nghệ: Tăng dần tỷ lệ đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm cho phát triển khoa học và công nghệ đạt 1,0% tổng chi ngân sách hàng năm của tỉnh vào năm 2015 và ổn định 2% vào năm 2020.

## **2. Những khâu đột phá:**

- Nghiên cứu xây dựng nội dung các chương trình, kế hoạch đầu tư kinh phí có trọng tâm, trọng điểm, gắn với định hướng, quy hoạch tổng thể KH-XH của tỉnh, đồng thời đẩy nhanh tiến độ triển khai và phát huy hiệu quả các đề tài, dự án.

- Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng KH-CN đồng bộ; tiếp tục tăng cường các nguồn lực xã hội hoá đầu tư cho KH-CN.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó quan tâm cải cách thể chế, tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực cán bộ nghiên cứu phát triển KH-CN; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến.

## **III. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRỌNG TÂM.**

### **1. Triển khai thực hiện các chương trình, đề án khoa học và công nghệ quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt:**

Xây dựng các kế hoạch, đề án, dự án cụ thể, tập trung nguồn lực, huy động các cá nhân, doanh nghiệp, các tổ chức khoa học và công nghệ tham gia triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án khoa học và công nghệ Quốc gia trên địa bàn tỉnh, gồm:

- Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.
- Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi.
- Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.
- Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

- Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.
- Chương trình quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020.
- Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.
- Đề án đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020.

## **2. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu ứng dụng phát triển khoa học công nghệ đến năm 2020, với các trọng tâm:**

### *2.1. Chương trình khoa học xã hội và nhân văn:*

- Nghiên cứu những vấn đề kinh tế - xã hội, nhằm tổng kết thực tiễn, phát hiện những giải pháp, nguồn lực và mô hình mới trong thực tiễn; tập trung vào những vấn đề cơ bản được xác định trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050; chú trọng các nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức quản lý và lãnh đạo, xây dựng và phát triển hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững quốc phòng an ninh...

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn giáo dục và đào tạo, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Hà Tĩnh: bao gồm công tác quy hoạch, kế hoạch, biện pháp phát triển giáo dục, đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy, nghiên cứu, phát triển giáo dục - đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

- Điều tra, nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy chọn lọc các giá trị lịch sử, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các loại hình văn hoá dân gian truyền thống, nghệ thuật cổ truyền, nghề thủ công truyền thống; nghiên cứu kết hợp hài hoà việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá với các hoạt động nhằm phát triển kinh tế, phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ bên vững, hướng vào việc xây dựng nền văn hoá và con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện trong giai đoạn mới.

### *2.2. Chương trình công nghệ sinh học (CNSH): Ban hành chương trình đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong sản xuất, bao gồm một số nội dung chủ yếu:*

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học cho các Trung tâm, đơn vị có năng lực ở tỉnh. Tiếp tục ưu tiên thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học và phân công bố trí làm việc tại các đơn vị phù hợp.

- Trong nông, lâm nghiệp và chăn nuôi, thủy sản: Tập trung nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông, lâm nghiệp - thủy sản của tỉnh, phấn đấu đến năm 2015, đưa việc ứng dụng công nghệ sinh học đạt trình độ tiên tiến và trở thành một trong những trung tâm công nghệ sinh học nông lâm nghiệp của Vùng Bắc Trung Bộ vào năm 2020; đưa công nghệ sinh học trở thành lĩnh vực khoa học và công nghệ có đóng góp quan trọng quyết định vào tăng trưởng kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh.

+ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào nhân nhanh các giống cây trồng nông, lâm nghiệp sạch bệnh; chẩn đoán, xác định các loại bệnh trên đối tượng cây trồng, vật nuôi, thủy hải sản; bước đầu tiếp cận các kỹ thuật áp dụng công nghệ tế bào động vật trong sản xuất các giống vật nuôi, các loại vắc xin; ứng dụng công nghệ vi sinh để sản xuất các chế phẩm vi sinh bảo vệ cây trồng, cải tạo đất, cải thiện môi trường...

+ Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ vi sinh; ứng dụng các chế phẩm sinh học phục vụ nâng cao năng suất nuôi trồng và xử lý môi trường nuôi thủy sản. Tiếp cận các kỹ thuật ứng dụng CNSH nhân nhanh các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao.

+ Từng bước nghiên cứu xây dựng và hình thành Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo lộ trình: đến năm 2015 tập trung xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới, các mô hình sản xuất nông nghiệp cận đô thị trở thành hạt nhân tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của tỉnh, như: trang trại, doanh nghiệp sản xuất, tổ chức khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao theo các đối tượng cây, con; làm cơ sở hỗ trợ sản xuất sản phẩm công nghệ cao và là động lực, tiền đề để xây dựng 01-02 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào năm 2020.

- Trong lĩnh vực y dược, bảo vệ môi trường: Lựa chọn, nghiên cứu chuyên gia ứng dụng thành tựu công nghệ sinh học phù hợp điều kiện của tỉnh (công nghệ chọn tạo, nhân nhanh các giống cây dược liệu có năng suất và hàm lượng hoạt chất cao, chất lượng tốt tạo nguồn nguyên liệu sản xuất thuốc; công nghệ sinh khối tế bào sản xuất nguyên liệu làm thuốc; công nghệ sinh học trong chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị và dự phòng...). Ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường.

*2.3. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai có hiệu quả Đề án “Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, khuyến nông, khuyến ngư phục vụ nông nghiệp nông thôn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020” đã được UBND tỉnh phê duyệt. Lựa chọn, bố trí triển khai các đề tài, dự án lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.*

*2.4. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, cải tiến hợp lý hóa sản xuất nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá đến năm 2020:*

- Điều tra thực trạng công nghệ; đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức cho các doanh nghiệp về đầu tư đổi mới công nghệ.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp khảo sát, tìm kiếm, lựa chọn, nghiên cứu thử nghiệm đề thích nghi, làm chủ công nghệ, thiết bị tiên tiến, nhất là các công nghệ nhập từ các quốc gia có nền KH-CN tiên tiến nhằm đổi mới, hiện đại hoá công nghệ; mở rộng áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng trong các ngành

công nghiệp, doanh nghiệp có lợi thế (chế biến nông lâm, thủy hải sản, sản xuất rượu bia, khai thác khoáng sản, sản xuất hàng mỹ nghệ...), ngành công nghiệp mới có ý nghĩa chiến lược để phát triển nhanh, tạo sự đột phá gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh (cơ khí, chế tạo máy, tự động hoá, công nghiệp lắp ráp, vật liệu xây dựng chất lượng cao, công nghiệp phụ trợ, chế biến sâu khoáng sản, công nghiệp dược, gỗ gia dụng...).

- Triển khai các nghiên cứu ứng dụng công nghệ, thiết bị cơ khí hoá, tự động hoá thích hợp cho một số công đoạn, quá trình sản xuất nông nghiệp nhằm phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020” đã phê duyệt, trong đó tập trung vào các đối tượng doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh.

- Đẩy mạnh áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, xây dựng mạng lưới tổ chức, biện pháp đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, hàng hoá chủ lực trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ của tỉnh; thúc đẩy phong trào năng suất, chất lượng.

#### *2.5. Chương trình đầu tư nâng cấp kiến toàn hệ thống thông tin KH-CN, đẩy mạnh ứng dụng CNTT phục quản lý nhà nước và sản xuất:*

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật hệ thống mạng LAN và kết nối Internet tốc độ cao; phát triển hạ tầng truyền thông tốc độ cao, đa dịch vụ, liên kết các hệ thống thông tin nội bộ giữa các ngành và các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh; kết nối Internet băng rộng cho tất cả các ngành, cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền cấp tỉnh và huyện, thành phố, thị xã, các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, các cơ sở y tế; nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực viễn thông và Internet.

- Xây dựng, cập nhật thường xuyên các cơ sở dữ liệu về đề tài, dự án, các kết quả nghiên cứu, các tiên bộ, tri thức, pháp luật khoa học công nghệ, nghiên cứu phương thức mở rộng cung cấp thông tin, hỗ trợ cá nhân, tổ chức truy cập, khai thác một cách có hiệu quả. Tổng hợp, kết nối cung cầu công nghệ, tổ chức các sàn giao dịch công nghệ trên mạng.

- Nghiên cứu xây dựng, ứng dụng công nghệ phần mềm như: phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và điều hành; xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ người dân và doanh nghiệp; phần mềm dùng chung; các phần mềm chuyên ngành; phần mềm mã nguồn mở; xây dựng các hệ thống tin học ứng dụng; hệ thống thông tin địa lí; phát triển các phần mềm trên môi trường mạng...

- Nghiên cứu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông tiên tiến trong hoạt động quản lý nhà nước và các ngành dịch vụ quan trọng như ngân hàng, tài chính, du lịch, thuế; phát triển giao dịch và thương mại điện tử.

#### *2.6. Chương trình xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm nông nghiệp Hà Tĩnh đến năm 2020: Hỗ trợ phát triển sản xuất, quy hoạch vùng sản xuất, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất, chế biến và*

các điều kiện đảm bảo chất lượng, xác lập quyền sở hữu trí tuệ và các công cụ quản lý, phát triển thương hiệu, xây dựng phương án phát triển thị trường, đưa sản phẩm ra thị trường

### *2.7. Chương trình vật liệu mới và năng lượng tái tạo:*

- Ưu tiên nghiên cứu ứng dụng KHCN sản xuất vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, quy mô lớn.

- Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất các loại vật liệu nhẹ, siêu nhẹ, vật liệu chống cháy, chậm cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện, tiết kiệm năng lượng, vật liệu composit, chế tạo các sản phẩm bằng vật liệu composit; sản xuất các vật liệu mới từ nguyên liệu địa phương, đặc biệt từ gỗ, tre, trúc, thép; sản xuất các sản phẩm nội thất và sản phẩm tiêu dùng.

- Triển khai nghiên cứu áp dụng các công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cho vùng sâu, vùng xa, hướng vào phát triển các dạng năng lượng như gió, năng lượng mặt trời, sản xuất nhiên liệu sinh học... Lồng ghép sử dụng năng lượng mới và tái tạo vào chương trình mục tiêu tiết kiệm năng lượng, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia khác như chương trình điện khí hóa nông thôn, trồng rừng, xóa đói giảm nghèo, nước sạch, VAC.

### *2.8. Chương trình nâng cao hiệu quả chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân; bảo vệ môi trường phát triển bền vững:*

- Sử dụng các phương pháp điều tra tiên tiến tiến hành điều tra dịch tễ học một số loại bệnh, khảo sát, đánh giá tình hình dịch bệnh trong cộng đồng; nghiên cứu đề xuất các giải pháp mang tầm chiến lược để nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bệnh tật, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng lực, trình độ kỹ thuật của hệ thống các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa đạt tiêu chuẩn cấp vùng, cấp quốc gia.

- Phát triển nghiên cứu về công nghệ bảo chế, sản xuất thuốc từ dược liệu, công nghệ sinh học để bảo vệ nguồn quỹ gen dược liệu quý hiếm của địa phương và tạo nguồn giống cây thuốc với năng suất chất lượng cao phục vụ cho công tác sản xuất thuốc (chẳng hạn: Nuôi hươu lấy nhung chế biến thuốc). Nghiên cứu bảo tồn, phát triển vùng cung cấp nguyên liệu dược liệu trên địa bàn tỉnh để phát triển Nam dược, sản xuất và bào chế thuốc tại các cơ sở y học cổ truyền...

- Nghiên cứu dự báo về ảnh hưởng, tác động, hậu quả của các hiện tượng thời tiết bất thường như bão, lũ lụt, sạt lở đất đá, lốc xoáy, gia tăng nhiệt độ, hạn hán... và đề xuất giải pháp đối phó thích hợp, lâu dài. Thúc đẩy các nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo tồn các hệ sinh thái đa dạng, các khu dự trữ sinh quyển, các nguồn gen quý, tiết kiệm năng lượng

## **3. Nhóm các dự án đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ ưu tiên giai đoạn 2013 – 2020:**

Đi đôi với việc tiếp tục đầu tư tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng hiện đại cho các tổ chức khoa học và công nghệ hiện có, trên cơ sở các

chương trình mũi nhọn, xác định các nhóm dự án cần ưu tiên đầu tư triển khai trong giai đoạn 2013- 2020, bao gồm:

*3.1. Nhóm các dự án về tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh:*

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH-CN thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Trong đó tập trung ưu tiên thể mạnh nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học.

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Phân Tích Thử nghiệm Hiệu chuẩn đạt chuẩn quốc gia thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng KH-CN cho các Trung tâm Ứng dụng KHKT, Bảo vệ cây trồng vật nuôi thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Các dự án xây dựng, phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ trong các đơn vị, các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp lớn; các dự án nâng cấp các phòng thí nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm, phòng đo lường thử nghiệm chuyên ngành của các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh.

- Dự án phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Dự án đầu tư xây dựng kiện toàn hệ thống thông tin KH-CN.

*3.2. Nhóm các dự án nâng cao năng suất, chất lượng sản xuất nông lâm nghiệp:*

- Dự án nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp ven đô thị; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thể mạnh của tỉnh .

- Dự án nâng cao năng lực các Trung tâm nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng vật nuôi.

*3.3. Nhóm các dự án về nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp, dịch vụ:*

- Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các khu công nghệ cao, công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường.

- Dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp, quản lý, khai thác nguồn lực tài sản trí tuệ và dự án phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

- Dự án hỗ trợ đầu tư, đổi mới công nghệ, cải tiến hợp lý hóa sản xuất trong các doanh nghiệp trên địa bàn.

*3.4. Nhóm các dự án về nâng cao chất lượng nguồn lực con người:*

- Dự án thu hút, đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN (ưu tiên lĩnh vực CNSH và CNTT)

- Các dự án ứng dụng khoa học và công nghệ nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực lao động chất lượng cao.



#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:**

**1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, hiệu quả lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền và tham gia của toàn xã hội về phát triển khoa học và công nghệ.**

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vị trí vai trò của khoa học và công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng cấp; đưa kế hoạch ứng dụng phát triển khoa học và công nghệ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, địa phương.

- Tích cực tuyên truyền đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và các tầng lớp nhân dân nhận thức tầm quan trọng ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt đầu tư nghiên cứu đổi mới công nghệ tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, tăng cường năng lực cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, cải thiện đời sống nhân dân.

**2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, phương thức và cơ chế tài chính cho khoa học và công nghệ:**

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, chức năng của các cơ quan quản lý Khoa học và Công nghệ, đảm bảo đủ năng lực quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác tham mưu tư vấn. Phân công, phân cấp rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn, nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã. Củng cố mạng lưới cơ quan quản lý đến cơ sở; phấn đấu ở cấp xã, phường và mỗi doanh nghiệp đều có bộ phận và cán bộ chuyên trách về khoa học và công nghệ.

- Nâng cao vai trò tư vấn của Hội đồng Khoa học và Công nghệ các cấp, của Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật, mặt trận, đoàn thể và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc tham gia đóng góp xây dựng chủ trương, chính sách định hướng về phát triển kinh tế xã hội nói chung, phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ theo hướng huy động được sự tham gia của các ngành, địa phương, nhà khoa học, các nhà quản lý, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội; đẩy mạnh thực hiện cơ chế "đặt hàng", đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hoàn thiện cơ chế tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên nguyên tắc đảm bảo tính công khai, minh bạch, tiêu chí rõ ràng.

- Điều chỉnh phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng căn cứ vào kết quả, hiệu quả sử dụng kinh phí của các đơn vị, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

- Coi trọng huy động nguồn đầu tư cho khoa học và công nghệ từ các thành phần kinh tế; khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa

học và công nghệ. Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hoạt động hợp tác, liên doanh, liên kết, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế. Thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng trong đầu tư đổi mới công nghệ đối với các doanh nghiệp. Vận động các nguồn kinh phí bổ sung quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, đồng thời mở rộng hỗ trợ các doanh nghiệp đăng ký tham gia sử dụng nguồn kinh phí của Quỹ.

### **3. Đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ:**

- Nghiên cứu rà soát các chính sách hiện có, bổ sung các cơ chế chính sách mới về thu hút, bố trí, sử dụng nguồn nhân lực KH-CN. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng bảo đảm chất lượng, đồng bộ, đủ về số lượng và cơ cấu ngành nghề chuyên môn đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập. Chú trọng đào tạo nguồn lực cán bộ khoa học công nghệ có trình độ cao, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản trị kinh doanh, cán bộ công chức giỏi chuyên môn, ngoại ngữ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao, kỹ thuật viên và công nhân lành nghề cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ và các ngành thuộc ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đồng bộ, cơ cấu hợp lý. Có cơ chế sử dụng nhân lực cao tuổi, nhiều kinh nghiệm, cán bộ về hưu; xây dựng chính sách đãi ngộ và tôn vinh tri thức khoa học và công nghệ.

- Phát huy tiềm lực khoa học công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của hệ thống tổ chức các đơn vị, các trường đại học, cao đẳng và các trung tâm nghiên cứu thực nghiệm, chuyển giao, dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá các cơ sở ứng dụng, chuyên gia tiên bộ kỹ thuật, thông tin khoa học và công nghệ, các phòng thí nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hoá của nhà nước, tư nhân và các doanh nghiệp; Tập trung đầu tư các dự án ưu tiên nhằm phát triển tiềm lực cho khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi để thành lập, mở rộng quy mô, lĩnh vực đào tạo của các trường đại học, cơ sở nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật; hình thành các trung tâm ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong trường đại học, trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **4. Từng bước hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ:**

- Đổi mới cơ chế và chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo nhu cầu ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, tạo động lực để các thành phần kinh tế cùng tham gia hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Tăng cường hỗ trợ, đổi mới KH-CN, chú trọng các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đẩy mạnh quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu thiết lập cơ chế khuyến khích đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với doanh nghiệp, với thực tiễn sản xuất và đời sống; ưu tiên đầu tư cho các nghiên cứu tạo ra sản phẩm hoàn thiện mang tính thương mại.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Khuyến khích phát triển các hoạt động dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới, đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ, dịch vụ chuyển giao công nghệ, các dịch vụ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; kết nối với các chợ thiết bị và công nghệ, sàn giao dịch điện tử, trung tâm giao dịch chuyển giao công nghệ của các thành phố lớn, của quốc gia.

### **5. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ:**

- Mở rộng và nâng tầm hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học hàng đầu ở trong nước. Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết, hợp đồng chuyển giao giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học, cao đẳng với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

- Tăng cường hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực và trình độ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân lực trình độ cao.

- Nghiên cứu, xác định và xây dựng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, tìm kiếm, lựa chọn các công nghệ cần khai thác, chuyển giao. Xây dựng chiến lược dài hạn hợp tác quốc tế khoa học và công nghệ. Đa dạng hóa, gắn kết hợp tác về khoa học và công nghệ với hợp tác về kinh tế.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

**1. Sở Khoa học và Công nghệ:** Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động phát triển khoa học và công nghệ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình và định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết.

b) Tổ chức thực hiện các chương trình, đề án về khoa học và công nghệ, chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh; các đề tài, dự án KH-CN hằng năm phù hợp với Chương trình hành động và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

c) Xây dựng trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung ban hành cơ chế chính sách cần thiết để thực hiện Chương trình này.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì và phối hợp với Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của chương trình trong kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương. Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển khoa học và công nghệ, đảm bảo kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ ở các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm.

3. **Sở Tài chính:** Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xã cân đối ngân sách hằng năm cho khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Chương trình; xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định thực hiện từng bước đổi mới cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ;

4. **Sở Nội vụ:** Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan đề xuất tổ chức bộ máy quản lý khoa học và công nghệ cấp tỉnh và huyện, thành phố, thị xã phù hợp với cơ chế quản lý khoa học và công nghệ. Nghiên cứu xây dựng, triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

5. **Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:** Căn cứ Chương trình này, có trách nhiệm lồng ghép, bổ sung nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong kế hoạch, chương trình phát triển ngành, địa phương; theo chức năng, nhiệm vụ của mình hướng dẫn thực hiện Chương trình./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh, Phó VP/UB;
- Lưu: VT, VX.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự